

Số: /QĐ-UBND Hiệp Hòa, ngày tháng năm 2023

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1297/TTr-TNMT ngày 18/9/2023,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH HengChang Technology Việt Nam, địa chỉ tại Lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất nhập khẩu Phương Linh), KCN Hòa Phú, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Dự án Nhà máy Hengchang Technology Việt Nam”, địa chỉ thực hiện tại Lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất nhập khẩu Phương Linh), KCN Hòa Phú, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của dự án đầu tư**

1.1. Tên dự án đầu tư: Dự án Nhà máy Hengchang Technology Việt Nam.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất nhập khẩu Phương Linh), KCN Hòa Phú, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp: 2400961682, đăng ký lần đầu ngày 05/05/2023, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc

Giang cấp. Giấy chứng nhận đầu tư số 9824422425 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 27/04/2023.

1.4. Mã số thuế: 2400961682

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất sản phẩm từ plastic, chi tiết: Sản xuất, gia công các loại màng trang trí PVC màu.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Phạm vi: Lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất nhập khẩu Phương Linh), KCN Hòa Phú, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Sản xuất, gia công các loại màng trang trí PVC màu: 50.000.000 m<sup>2</sup>/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Không cấp phép xả nước thải sinh hoạt do Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh, Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ Dự án Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo với UBND huyện Hiệp Hòa, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày cấp giấy CNĐKĐT.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Dự án Nhà máy Hengchang Technology Việt Nam” tại Lô CN-10 (Thuê nhà xưởng của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất nhập khẩu Phương Linh), KCN Hòa Phú, Huyện Hiệp Hòa, Tỉnh Bắc Giang của Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam được cấp phép theo quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng HĐND-UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các KCN tỉnh, Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- Sở Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT (lưu h/s);
- Ban Quản lý các KCN tỉnh;
- LĐVP, CV KTNN;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Thảo**

**Phụ lục 1**  
**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**  
*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)*

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**

**\* Nước thải sinh hoạt:**

- 01 nguồn từ hoạt động sinh hoạt, vệ sinh của cán bộ, công nhân viên, người lao động làm việc tại Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam.

- Không đề nghị cấp phép xả nước thải sinh hoạt do: Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh. Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú. (Theo biên bản thỏa thuận xử lý nước thải giữa Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh và Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam).

**\* Nước thải sản xuất:**

- Nước thải từ quá trình đập bụi của hệ thống xử lý khí thải có chứa cặn mục thải phát sinh khoảng 2,3 m<sup>3</sup>/tháng được sử dụng tuần hoàn. Định kỳ 6 tháng/lần công ty sẽ vệ sinh tháo hấp thụ hệ thống xử lý khí thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý nước thải sản xuất theo quy định về quản lý chất thải nguy hại.

- Không đề nghị cấp phép đối với nước thải sản xuất, do: Toàn bộ lượng nước thải này được sử dụng tuần hoàn, không xả ra môi trường, định kỳ 6 tháng/lần thu gom mang đi xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Công ty cam kết không xả nước thải sản xuất ra ngoài môi trường.

**B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải**

**1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải**

Công ty TNHH Hengchang Technology Việt Nam thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh, do đó toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được Công ty TNHH dịch vụ Thương mại và xuất nhập khẩu Phương Linh thu gom và xử lý như sau:

Tại khu vực dự án: Nước thải được xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 3 ngăn (bể có dung tích  $4\text{m}^3$ ). Nước thải sau khi xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất khẩu Phương Linh công suất  $30\text{m}^3/\text{ngày đêm}$  để xử lý đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT trước khi đầu nối ra hệ thống thu gom nước thải của KCN Hòa Phú.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải**

\* Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất khẩu Phương Linh, có công suất  $30\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$ : Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lọc màng → Đèn khử trùng UV → Bể chứa sau xử lý (đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT) → Hệ thống thu gom nước thải KCN và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Hòa Phú, huyện Hiệp Hòa.

- Công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý: Công nghệ sinh học.

**1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:** Không có.

Do Công ty TNHH HengChang Technology Việt Nam thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất khẩu Phương, theo thỏa thuận Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất khẩu Phương Linh chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án của công ty TNHH HengChang Technology Việt Nam

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:** Không phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải do Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và Xuất khẩu Phương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) chịu trách nhiệm thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND huyện Hiệp Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI****1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- + Nguồn số 1: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn pha trộn mực
- + Nguồn số 2: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn in kết hợp sấy của dây truyền sản xuất số 1
- + Nguồn số 3: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn in kết hợp sấy của dây truyền sản xuất số 2
- + Nguồn số 4: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn in kết hợp sấy của dây truyền sản xuất số 3
- + Nguồn số 5: Bụi và khí thải phát sinh từ công đoạn in kết hợp sấy của dây truyền sản xuất số 4

**2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:****2.1. Dòng khí thải:**

+ Dự án có 01 dòng khí thải thoát ra ngoài môi trường sau 02 hệ thống xử lý khí thải của dự án. Với lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 160.000 m<sup>3</sup>/h

**2.2. Vị trí xả khí thải:**

+ 01 vị trí xả khí thải tại ống khói thoát khí thải của dự án. Tọa độ X: 2349700; Y: 391866 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 107<sup>0</sup>, múi chiều 3<sup>0</sup>).

**2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:** 160.000m<sup>3</sup>/h, tương đương 3.840.000m<sup>3</sup>/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục theo thời gian làm việc của công ty.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT, cột B: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối bụi và các chất vô cơ; QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

TT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc
			Cột B	Nồng độ tối đa	
1	Bụi tổng	mg/Nm <sup>3</sup>	200	-	

2	CO	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>1000</b>	-	6 tháng/lần
3	NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>850</b>	-	
4	SO <sub>2</sub>	mg/Nm <sup>3</sup>	<b>500</b>	-	
5	n-Butyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	-	<b>950</b>	1 năm/lần
6	Etylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	-	<b>1400</b>	
7	Cyclohexanon	mg/Nm <sup>3</sup>	-	<b>400</b>	

## B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

#### 1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

Nhà máy lắp đặt 02 hệ thống thu gom, xử lý khí thải sau đó thoát ra ngoài qua 01 ống thoát khí thải chung.

- *Hệ thống xử lý khí thải số 1*: được lắp đặt để thu gom xử lý khí thải từ quá trình trộn nguyên liệu, dây truyền sản xuất 1 và dây truyền sản xuất 2: Khí thải phát sinh từ quá trình trộn nguyên liệu, công đoạn in tại dây truyền sản xuất 1 và 2 được thu gom vào chụp hút (tổng 15 chụp hút: quá trình trộn nguyên liệu (5 chụp hút), dây chuyền sản xuất số 1 và số 2 (mỗi dây chuyền 5 chụp hút)) và 10 côn thu hơi nóng, khí thải từ các điểm máy tại công đoạn sấy (Mỗi dây chuyền sản xuất 05 côn thu). Sau đó qua đường ống thu gom đưa về thiết bị xử lý khí thải là buồng hấp phụ bằng than hoạt tính, nhờ phương pháp hấp phụ, bụi và các chất ô nhiễm có trong khí thải được hấp phụ hoàn toàn trên bề mặt của than hoạt tính.

Sau đó, qua ngăn khử mùi bằng tia UV để phân rã mùi hôi, hợp chất hữu cơ bay hơi VOC<sub>s</sub>, tăng khả năng làm sạch của hệ thống.

Tiếp theo, khí thải được đưa đến tháp hấp thụ bằng nước. Tại đây, bụi được giữ lại cùng với nước được thu xuống bể chứa nước, nước thải từ quá trình dập bụi được chứa trong bể, được bơm tuần hoàn lên hệ thống giàn phun sương để tiếp tục dập bụi. Khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài qua 01 ống khói khí thải.

- *Hệ thống xử lý khí thải số 2*: được lắp đặt để thu gom xử lý khí thải từ dây truyền sản xuất 3 và dây truyền sản xuất 4: Khí thải phát sinh từ quá trình công đoạn in tại dây truyền sản xuất 3 và 4 được thu gom vào chụp hút (tổng 10 chụp hút: mỗi dây chuyền 5 chụp hút) và 10 côn thu hơi nóng, khí thải từ các điểm máy tại công đoạn sấy (Mỗi dây chuyền sản xuất 05 côn thu), sau đó qua đường ống thu gom đưa về thiết bị xử lý khí thải là buồng hấp phụ bằng than

hoạt tính, nhờ phương pháp hấp phụ, bụi và các chất ô nhiễm có trong khí thải được hấp phụ hoàn trên bề mặt của than hoạt tính.

Sau đó, qua ngăn khử mùi bằng tia UV để phân rã mùi hôi, hợp chất hữu cơ bay hơi VOCs, tăng khả năng làm sạch của hệ thống.

Tiếp theo, khí thải được đưa đến tháp hấp thụ bằng nước. Tại đây, bụi được giữ lại cùng với nước được thu xuống bể chứa nước, nước thải từ quá trình đập bụi được chứa trong bể được bơm tuần hoàn lên hệ thống giàn phun sương để tiếp tục đập bụi. Khí thải sau xử lý được thoát ra ngoài qua 01 ống khói khí thải.

### **1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.**

Công ty lắp đặt 02 hệ thống xử lý khí thải, sau đó khí thải thoát ra ngoài môi trường qua 01 ống khói thoát khí thải.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 1: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Buồng hấp phụ (than hoạt tính) → Buồng khử mùi (Tia UV) → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng nước → Ống khói thoát khí thải (chung sau 2 hệ thống XLKT) → Môi trường tiếp nhận.

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải số 2: Khí thải → Chụp hút → Đường ống dẫn khí → Buồng hấp phụ (than hoạt tính) → Buồng khử mùi (Tia UV) → Quạt hút → Tháp hấp phụ bằng nước → Ống khói thoát khí thải (chung sau 2 hệ thống XLKT) → Môi trường tiếp nhận.

- Công suất thiết kế:

+ Hệ thống xử lý khí thải số 1: 80.000m<sup>3</sup>/giờ.

+ Hệ thống xử lý khí thải số 2: 80.000m<sup>3</sup>/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng của 2 hệ thống xử lý khí thải: Than hoạt tính: 12.800kg/năm.

### **1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố**

- Luôn dự trữ trong kho của dự án đầy đủ các thiết bị của hệ thống xử lý khí thải, đặc biệt là các thiết bị hay hư hỏng.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động tại các điểm có sự cố và báo cáo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý.

- Đào tạo, nâng cao chuyên môn của nhân viên cơ điện và nhân viên phụ trách vận hành hệ thống xử lý khí thải tại dự án, hạn chế những sai sót xảy ra có thể gây ra sự cố.

- Có nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.



## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

**2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:** trong tháng 1/2024.

**2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm:**

02 Hệ thống xử lý khí thải từ quá trình pha trộn nguyên liệu, từ quá trình in và sấy tại dây truyền sản xuất số 1,2; quá trình in và sấy tại dây truyền sản xuất số 3,4 (hệ thống xử lý khí thải số 1, hệ thống xử lý khí thải số 2).

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 01 vị trí tại 01 ống thoát khí thải sau 02 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT cột B) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ (QCVN 20:2009/BTNTM) (Chi tiết theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Kế hoạch lấy mẫu	Số lượng mẫu	Chỉ tiêu lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu	Thời gian dự kiến lấy mẫu
1	01 vị trí tại ống khói thoát khí thải	01 mẫu đơn khí thải đầu ra	Bụi tổng, CO, NO <sub>x</sub> (tính theo NO <sub>2</sub> ), SO <sub>2</sub> , n-Butyl axetat, Etylaxetat, Cyclohexanon	Tần suất quan trắc khí thải là 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp	Lần 1: Ngày 09/01/2024 Lần 2: Ngày 10/01/2024 Lần 3: Ngày 11/01/2024

**2.3. Tần suất lấy mẫu**

Tần suất lấy mẫu trong giai đoạn vận hành ổn định: Thực hiện lấy mẫu đơn 1 lần/ngày (lấy mẫu 3 ngày liên tiếp).

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

**3.1. Thu gom, xử lý khí thải** phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

**3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác.**

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, Chủ dự án, cơ sở phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện để kịp thời xử lý.

**Phụ lục 3****BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG  
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của UBND huyện Hiệp Hòa)

**A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG****3.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Nguồn 1: Từ hoạt động quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 01

Nguồn 2: Từ hoạt động quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 02

Nguồn 3: Từ hoạt động của máy nén khí.

**3.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

Tọa độ địa lý vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung theo hệ tọa độ VN-2000  
(theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}$ , múi chiếu  $3^0$ ).

<b>Tọa độ VN 2000</b>		
<b>Nguồn phát sinh tiếng ồn</b>	<b>X</b>	<b>Y</b>
Vị trí số 1 (khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải 01)	2349713	391863
Vị trí số 2 (khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải 02)	2349720	391864
Vị trí số 3 (Khu vực đặt máy nén khí)	2349689	391867

**3.3. Tiếng ồn, độ rung:** Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung: QCVN 24:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2016/BYT- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.3.1. Tiếng ồn:**

<b>TT</b>	<b>Từ 6-21 giờ (dBA)</b>	<b>Từ 21-6 giờ (dBA)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	85	85	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	85	85	<i>Khu vực thông thường</i>

**- Độ rung:**

<b>TT</b>	<b>Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB</b>		<b>Ghi chú</b>
	<b>Từ 6-21 giờ</b>	<b>Từ 21-6 giờ</b>	
1	1,4m/s <sup>2</sup> (103dB)	1,4m/s <sup>2</sup> (103dB)	<i>Khu vực đặc biệt</i>
2	1,4m/s <sup>2</sup> (103dB)	1,4m/s <sup>2</sup> (103dB)	<i>Khu vực thông thường</i>

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**

### **1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Máy móc được bảo trì bảo dưỡng định kỳ để đảm bảo chất lượng khi vận hành, giảm tiếng ồn và giảm rung. Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, tiến hành khắc phục khi máy có hiện tượng lỗi; các thiết bị không sử dụng sẽ được tắt giảm thiểu tác động cộng hưởng giữa các thiết bị.

Ngoài ra, chủ dự án cũng sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu như:

- Bố trí các loại máy móc có tiếng ồn cao trong các khu vực khép kín, phòng riêng, lắp đặt chân đệm cao su giảm rung động, ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại các xưởng sản xuất; có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, công nhân.

- Trang bị nút tai cho công nhân khi làm việc trong môi trường có tiếng ồn lớn.

- Bố trí thời gian làm việc cho các cán bộ, công nhân viên hợp lý để tránh tình trạng bị tác động của tiếng ồn, độ rung kéo dài.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung,.

- Lắp đặt các tấm đệm chống rung tại các thiết bị có cường độ hoạt động nhiều.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

**Phụ lục 4**  
**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ**  
**SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của UBND huyện Hiệp Hòa)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI**

**1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Công đoạn phát sinh	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Dầu, mỡ tổng hợp thải	Lỏng	Từ quá trình hoạt động của máy móc, thiết bị	50	07 03 05
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm dầu mỡ, hóa chất, mực in	Rắn	Từ quá trình trộn nguyên liệu; hoạt động của máy móc, thiết bị	1.000	18 02 01
3	Hộp mực thải (quá trình sản xuất)	Rắn	Từ quá trình trộn nguyên liệu	250	08 02 04
4	Bao bì cứng thải (hộp, can đựng dung môi)	Rắn	Từ quá trình trộn nguyên liệu	250	18 01 04
5	Bao bì mềm thải	Rắn	Từ quá trình sản xuất	100	18 01 01
6	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	Từ quá trình sử dụng, phát sinh tại khu văn phòng, nhà xưởng	2	16 01 06
7	Hộp mực in thải (phát sinh từ văn phòng)	Rắn	Từ hoạt động của văn phòng	2	08 02 07
8	Than hoạt tính	Rắn	Từ hệ thống xử lý khí thải	12.800	12 01 04
9	Nước thải sản xuất	Lỏng	Từ hệ thống xử lý khí thải	28.000	08 01 04
10	Các loại chất thải khác có thành phần nguy hại vô cơ và hữu cơ (Màng PVC in lỗi, hỏng thải)	Rắn	Từ quá trình sản xuất	9.900	191203

## 1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Sản phẩm lỗi hỏng từ khâu kiểm tra nguyên liệu đầu vào	Kg/ngày	441	Được trả lại cho nhà cung cấp
2	Bao bì nilong, bì carton,....	Kg/tháng	30	Từ quá trình sản xuất

**1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:** 15kg/ngày, chủ yếu là bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh... Giấy và các loại phế thải phục vụ văn phòng.

**2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

#### 2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Bố trí 08 thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt dung tích 120 lít/thùng, lưu giữ chất thải nguy hại tại khu vực kho chứa chất thải nguy hại.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển chất thải mang đi xử lý theo quy định, định kỳ 6 tháng/lần. Hoặc có thể thay đổi phụ thuộc vào lượng chất thải phát sinh.

#### 2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Diện tích kho chứa chất thải nguy hại: 4,5m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: có mái và tường bằng tôn bao quanh, nền bê tông, có cửa ra vào, dán biển báo. Nền có gờ chống tràn xây bằng gạch đặc tại cửa ra vào, rãnh và hố thu gom chất thải lỏng phòng ngừa sự cố tràn dầu. Có chuẩn bị cát và nước để phòng ngừa sự cố.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

#### 2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Trong nhà xưởng bố trí 06 thùng chứa rác có nắp đậy bằng nhựa với dung tích 120lít/thùng tại các khu vực sản xuất.

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 tháng/lần. Hoặc có thể thay đổi phụ thuộc vào lượng chất thải phát sinh.

#### 2.2.2. Kho /khu vực lưu chứa

- Khu vực chứa chất thải sản xuất có diện tích khoảng 4,5m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải thông thường: Kho xây dựng khép kín, tường bằng tôn bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào.

### **2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt**

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Chủ dự án bố trí bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt như sau:

Công ty bố trí 05 thùng nhựa chứa rác 60 lít tại vị trí thường xuyên phát sinh chất thải sinh hoạt; 01 thùng bằng nhựa có nắp đậy chứa dung tích 120 lít đặt tại khu vực nhà ăn; 02 thùng 120 lít đặt tại khu vực kho lưu chứa.... Sau đó thuê đơn vị vệ sinh đến thu gom, vận chuyển để xử lý

Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 tuần/lần. Hoặc có thể thay đổi phụ thuộc vào lượng chất thải phát sinh.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa:

- Khu vực chứa chất thải sinh hoạt có diện tích khoảng 4,5m<sup>2</sup>, được bố trí bên ngoài nhà xưởng.

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Kho xây dựng khép kín, tường bao bằng tôn bao quanh, nền xi măng, mái tôn, có cửa ra vào, gắn biển báo cảnh báo tại cửa ra vào.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống máy móc, thiết bị. Trường hợp hệ thống bị hỏng hóc cần kịp thời sửa chữa tránh thải ra môi trường làm ô nhiễm môi trường.

**Phụ lục 5**  
**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày / /2023  
của UBND huyện Hiệp Hòa)

**Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:**

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện Dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện Dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Trường hợp gây ra sự cố môi trường hoặc gây ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động, Chủ dự án đầu tư phải dừng ngay hoạt động hoặc giảm công suất của các công đoạn phát sinh chất thải và công trình xử lý chất thải gây ra ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường và báo cáo kịp thời tới UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa để được hướng dẫn giải quyết.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải của dự án để xử lý toàn bộ khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất của dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B và QCVN 20:2009/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.